

CHƯƠNG HAI

Cuộc Chiến Tranh của Ba Tôi

“Hãy cho mọi dân tộc đều biết, dù họ muốn đất nước chúng ta suy hay thịnh ra sao, chúng ta vẫn sẵn sàng trả bất kỳ giá nào, chịu bất kỳ thử thách hoặc khó khăn nào, hỗ trợ bất kỳ bè bạn nào, chống trả bất cứ thế lực nào, để bảo đảm cho sự sống còn và thành công của sự Tự Do”

-- Tổng Thống Hoa Kỳ John F. Kennedy
Trong Lễ tuyên thệ nhậm chức, ngày 20 tháng 01 năm 1961

“Nước Mỹ đã bại uớc trong công cuộc hỗ trợ chúng ta chiến đấu cho Tự Do, một cuộc chiến mà chính nước Mỹ cũng đã tổn thất 50,000 con em của họ.”

-- Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa Nguyễn Văn Thiệu
Trong diễn văn từ chức, ngày 21 tháng 04 năm 1975

Việt Nam là một nước nhỏ nằm ở vùng Đông Nam Á. Quốc gia này nhỏ hơn tiểu bang California một chút, và hầu hết bị núi non rừng thẳm bao phủ từ miền bắc vào đến miền trung. Vùng đất màu mỡ phì nhiêu nhất là vùng đồng bằng nam bộ chạy dọc theo lưu vực sông Cửu Long.

Cao nguyên trung phần Việt Nam bắt đầu từ phía nam thành phố Đà Lạt chạy thẳng lên phía bắc cho đến tận biên giới Trung Hoa. Suốt những tháng mùa đông (mùa khô) là mùa kéo dài giữa tháng 11 và tháng 4, gió lạnh từ lục địa Trung Hoa thổi xuống vùng duyên hải và mang theo một lượng khí ẩm đáng kể vào Cao nguyên Trung phần. Những tháng hè (mùa mưa), mưa to gió lớn từ Biển Đông càng làm tăng thêm lượng khí ẩm lùa lên miền cao nguyên, cũng như trên toàn cõi đất nước.

Tọa lạc ngay trên vùng đồi núi của Cao nguyên Trung phần thuộc miền Nam Việt Nam, khí hậu ở các thị trấn Kontum và Pleiku luôn lạnh lẽo và ẩm ướt. Trong suốt thế kỷ vừa qua, hầu hết dân cư đã dọn nhà về các thành thị và bỏ mặc đất đai cho những bộ lạc người Thượng vốn vẫn sinh sống rải rác đây đó quanh vùng. Những đồng bào Thượng xưa nay vẫn sống về nghề trồng trọt và săn bắn. Họ khẩn khít với núi rừng và hạp với phong thổ hơn ai hết.

Ngày 13 tháng 1 năm 1975, toàn cảnh núi đồi cao nguyên bị phủ mây chập chùng sau màn sương dày đặc. Ba tôi lúc ấy đang phục vụ dưới trướng của Quân Đoàn II đã hơn một năm và đã ra công gìn giữ từng tấc đất của núi đồi nơi đây. Ông muốn đi nơi khác và đã yêu cầu vị Tư Lệnh Quân Đoàn cho ông được chuyển công tác. Chính ông cũng không hiểu vì sao ông lại muốn được đóng quân ở địa đầu giới tuyến thuộc Quân Đoàn I, nơi giáp ranh với vùng phi quân sự. Nếu đất nước lâm nguy, ông muốn ra sức gìn giữ biên cương ngay tại nơi tiền tuyến. Ông đã nộp đơn xin chuyển từ mấy tháng nay, đến hôm nay thì ông được Đại Tá Phạm Duy Tất, Tư Lệnh của Lữ Đoàn thuộc Quân Đoàn II, Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, ký chấp thuận. Ông được lệnh chuyển

ra Bộ chỉ huy Quân Đoàn I tiền phương, lúc ấy đang đồn trú gần Đà Nẵng.

Chiếc trực thăng Huey xanh vạch rời xa Bộ tư lệnh Quân Đoàn II giữa làn sương mù hôm ấy, chỉ để chở một hành khách duy nhất là ba tôi với một túi quân trang nhỏ.

Ông tựa lưng vào ghế và bâng khuâng tư lự về những sứ mạng mà ông đã thi hành trong đời lính. Lúc ký Hiệp Định Genève năm 1954, khi người Pháp bắt đầu xây dựng đội ngũ cho Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa (QLVNCH), ba tôi mới chỉ là một viên Trung úy. Ông đã vào sinh ra tử từng ngày một để chiến đấu cho quê hương điêu tàn này. Ông cũng hứng lấy đạn thù khá nhiều, đến nỗi không còn nhớ mình bị thương đã bao nhiêu lần nữa!

Áp suất không khí ở cao độ và khí hậu âm thấp làm ông đau râm sau lưng, nơi ông bị trúng đạn cách đây một vài năm. Ông nhớ lại cuộc hành quân vào một buổi chiều, lúc đại đội ông bị nguyên một tiểu đoàn Cộng quân phục kích. Cả đại đội bị hỏa lực địch dè bẹp không góc đầu nổi và chiến đấu đến tận xâm tói. Khi đạn dược bắt đầu cạn, ông không biết làm gì hơn là phải truyền lệnh lui binh.

Làn đạn truy kích của quân thù làm sáng đỏ cả một vùng giao tranh quanh ông, làm các đồng đội ông thi nhau gục ngã. Ông gọi quân tiếp viện, nhưng ngay cả không lực yểm trợ cũng không có. Đơn vị Thủy Quân Lục Chiến (TQLC) tung lực lượng đi tiếp ứng, nhưng vẫn còn cách trận địa khá xa. Người lính đứng cạnh ông bị trúng đạn AK-47 vào cánh tay trái làm anh ta té cái đui, máu xịt có vôi. Khi ba tôi cúi xuống đỡ anh ta thì bị một viên đạn bắn trúng ngay chiếc mũ sắt ông đang đội, làm cả chiếc mũ xoáy văng qua một bên.

Sức xoáy của chiếc mũ sắt mạnh như một cái búa tạ bổ lên đầu ông. Cổ ông phập phồng và mắt ông mờ dần. Phải ít giây đồng hồ sau ông mới định thần lại. Tuy đã mất chiếc mũ sắt bảo vệ, nhưng ông vẫn ráng trườn đến bên cạnh người lính bị thương và lôi anh ta ra khỏi lằn đạn. Ông chỉ nhận ra quân

tiếp viện đã đến cứu đơn vị ông, khi lần đạn đở chuyển hướng, nã về phía địch quân.

Trong khi loay hoay kiếm chỗ nằm cho người lính để nghỉ lấy hơi, cái áo giáp ông mặc bị xốc lên, và ông bị bắn ngay vào chỗ hở. Ông té xỉu tại chỗ và chỉ tỉnh lại một vài ngày sau đó trong một bệnh xá, toàn thân ngang phần bụng bị băng bó chằng chịt.

Quá nửa đại đội của ông bị thiệt mạng trong vụ phục kích lần này trong rừng. Ông càng ghét chiến tranh hơn và càng căm hận bọn cộng quân tham tàn đã giết chết những đồng đội của ông. Viên Đại Tướng Tư Lệnh đã tưởng thưởng ba tôi một Huy Chương Trái Tim Màu Tím và một tháng về nhà nghỉ phép. Sau lần bị thương này, ông còn bị trúng đạn thêm nhiều lần nữa, nhưng không nguy kịch bằng lần ấy.

Ông từng bảo tôi rằng ông còn sống được là nhờ thánh ý Chúa. Giờ ngồi trên băng ghế của chiếc trực thăng, ông tự hỏi Chúa đã che chở và dẫn đường đưa lối cho ông ra sao qua bao năm trường miệt mài với binh lửa.

Khi còn phục vụ ở vùng đồi núi Kontum và Pleiku heo hút, ông không ngừng cảm tạ ơn Chúa đã hằng gìn giữ tánh mạng ông trước một chiến trường đầy bất trắc.

Kontum và Pleiku là trọng điểm chiến lược của miền nam Việt Nam. Những đồi núi chập chùng ở đây ôm trọn nhiều hành lang tiếp liệu quan yếu của quân đội đang đồn trú toàn cõi miền trung, bao gồm nhiều thành phố, thị trấn và hải cảng. Pleiku tọa lạc ngay tại tâm điểm của cao nguyên trung phần, giữa thị xã Kontum ở phía bắc và thành phố Ban Mê Thuột về phía nam. Điểm này đã khiến Pleiku trở thành trung tâm điểm phòng tuyến của chiến trường cao nguyên Việt Nam. Hai phe giao tranh trong cuộc chiến đều nhận thức yếu điểm chiến lược đáng kể này. Chả trách Cộng quân Bắc Việt cứ liên tục nã trọng pháo vào đây và không ngớt mở những đợt tấn công vào lực lượng đồn trú của QLVNCH.

Người lính đóng quân ở Kontum và Pleiku là những người không bao giờ được nghỉ ngơi. Đời sống của thường dân càng thêm phần khốn nạn. Có những ngày cộng quân rút đạn đại bác không ngớt vào thị xã, kể đến là những ngày im bất thật ghê rợn. Dân chúng luôn hoang mang trong những ngày im bất ấy, bởi họ dư biết cộng quân đang củng cố lực lượng hầu chuẩn bị cho đợt tấn công kế tiếp. Hễ cộng quân đánh vào là có chết chóc và thương tích cho những thường dân vô tội. Nhà nào cũng khóa cửa kín mít và dân chúng thì lom khom chui vào những phòng có tường chắn bao cát xung quanh. Có người thì bỏ cả nhà cửa chạy khỏi thị xã, nhưng cũng có kẻ vẫn ở lại vì không biết phải đi đâu. Đi về đâu nữa, khi nơi nào cũng chỉ thấy những điều linh và tang tóc?

Ba tôi đã từng trải qua nhiều trận chiến kiểu này mà ông gọi là giống như mèo vờn chuột. Cộng quân tuy giao tranh không ngừng với phe miền Nam, nhưng vẫn chưa dám mở những cuộc hành quân đại qui mô. Hễ mỗi lần chúng mở những trận công kích lớn, các lực lượng TQLC và Biệt động Quân (BDQ) luôn đẩy lùi chúng, gây cho chúng không ít những tổn thất nhân mạng và thương tích. Dạo gần đây, những cuộc chạm súng lẻ tẻ đã tăng cường thành những cuộc giao tranh lớn, kể từ khi quân chính qui Bắc Việt lần chiếm một vài vùng hẻo lánh và cầm cự được trong một thời gian dài. Các đơn vị TQLC và BDQ đã đánh trả quyết liệt hơn và phe miền Nam do đó phải chịu khá nhiều tổn thất về nhân mạng.

Ba tôi chán đánh trận kiểu rừng núi lắm rồi và chỉ muốn được chuyển. Ông tình nguyện ra tiền tuyến, không màng tới những chức vụ ngon lành hơn mà ông được cất nhắc. Chức vụ mới được đề bạt cho ông gần đây nhất là làm chỉ huy trưởng của Lực Lượng Đặc Biệt. Hoặc một chức vụ khác là làm chỉ huy trưởng của Trung Đoàn Địa Phương Quân, trực thuộc Quân Đoàn II, đồn trú tại Ban Mê Thuột. Cả hai nhiệm sở đều cho ông cơ hội lãnh đạo binh sĩ chiến đấu chống quân thù, nhưng ông vẫn chọn ra tiền tuyến. Ông cầu xin được sự che chở của Chúa, như Người đã từng che chở ông biết bao nhiêu lần trước đây.

Trách nhiệm của ông là phải cầm chân cộng quân ở vùng phi quân sự càng lâu càng tốt, hầu cho người dân chạy loạn có thì giờ đào thoát khỏi vùng Cao nguyên trung phần. Nhiệm vụ này đòi hỏi lòng hy sinh vô bờ bến của người lính, nhưng sẽ cứu được muôn ngàn sinh linh vô tội. Đây mới chính là sứ mạng mà ông đã được huấn luyện suốt đời trong quân ngũ cũng là điều mà ông luôn ước nguyện. Ông khẩn cầu Chúa cho ông thành công.

Ngày 26 tháng 1 năm 1975, Tướng Ngô Quang Trưởng, Tư Lệnh Tối cao của Quân Đoàn I với Bộ Tư lệnh Quân Đoàn đóng tại Đà Nẵng, đã làm lễ trao chức Tư lệnh Trung Đoàn 913 Khinh Binh cho ba tôi, bao gồm ba tiểu đoàn đầy đủ túc số và có 5.000 quân nhân phục vụ dưới trướng. Ngày hôm đó, ba tôi trở thành vị sĩ quan bộ binh cao cấp nhất được trao phó sứ mạng bảo vệ miền Nam, với phòng tuyến nằm ngay giáp ranh địa đầu giới tuyến với miền Bắc. Trách nhiệm của ông là phải giữ vững phòng tuyến Quảng Trị bằng mọi giá.

Tỉnh lỵ Quảng Trị là một tiền đồn nhỏ nằm ngay bên bờ phía đông của giòng sông Thạch Hãn, cách vùng phi quân sự độ hai mươi dặm ngàn. Nó nằm ngay trên tuyến giao thông vùng duyên hải, Quốc lộ 1, lọt thỏm vào giữa hai tỉnh lộ 560 ở hướng tây và tỉnh lộ 555 về hướng đông. Mạng giao thông Bắc-Nam và Đông- Tây trong vùng có những hành lang chạy xuyên qua tỉnh lỵ này. Đây là một cổ thành rập theo kiểu kinh đô Huế và có thành lũy riêng biệt. Quan trọng hơn nữa, Quảng Trị chỉ cách cố đô Huế, nơi cư ngụ của những hoàng gia cựu trào của Việt Nam, độ bốn mươi lăm dặm ngàn.

Thị xã Quảng Trị (trùng tên với tên của tỉnh Quảng Trị) mọc lên ngay giữa vùng đồng bằng duyên hải, lại còn là nơi hứng mũi chịu sào của những cuộc tấn công từ các phía giao tranh. Ròng rã suốt cuộc chiến, tỉnh lỵ này đã nhiều lần đổi chủ giữa hai phe cộng quân Bắc Việt và QLVNCH. Cả hai phía Cộng Sản lẫn Hoa Kỳ đều lầm tưởng rằng thị xã này, với những người lính phòng thủ ù lì, trang bị èo uột, sẽ bị tan rã nhanh chóng. Thế nhưng, những quân nhân can trường của QLVNCH vẫn ghi chặt tay súng chiến đấu và kiên vững với

phòng tuyến hết trận này đến trận khác. Với tư cách của một vị Tư lệnh, ba tôi quyết sẽ giữ vững truyền thống hào hùng này. Ông quyết cố thủ trận địa này và sẽ ra trận hùng mạnh với cộng quân. Quảng Trị là quê hương mới của ông do chính ông lựa chọn và ông quyết sẽ cố thủ nó bằng mọi giá.

Ba tôi nhận những sự vụ lệnh trực tiếp từ Tướng Ngô Quang Trưởng, một ông Trung Tướng trẻ, cao ráo, nom giống như một gia trưởng thuần túy, nhưng lại là một danh tướng và rất được lòng binh sĩ cũng như thường dân ở miền Nam.

Đại tướng Mỹ Norman Schwarzkopf từng nhắc đến ông trong hồi ký *“Đâu cần gì đến anh hùng”*, rằng: “Khuôn mặt ông ta nhẵn rúm và nghiêm khắc, chẳng bắt mắt cho lắm, nhưng lại được các sĩ quan và binh lính dưới quyền kính nể -- còn bọn đầu sỏ của cộng quân Bắc Việt thì khiếp vía vì chúng đâu lạ gì những tài năng của ông... Tướng Trưởng là vị Tư lệnh chiến trường sáng chói nhất mà tôi từng biết đến.”

Sáng hôm đó, một chiếc trực thăng khác đón ba tôi về mạn bắc. Buổi sáng vẫn còn tinh sương và mặt trời vừa mới ló dạng lơ mờ sau rặng núi chập chùng. Nhìn ra cửa trực thăng đang mở rộng, ông nhìn thấy Đèo Hải Vân hoành tráng đang thấp thoáng đằng xa. Nhìn về phía nam, Đà Nẵng hiện ra chói lòa dưới nắng ban mai; ngó về phía bắc, ông thấy Cố đô Huế vẫn còn mơ màng sau làn sương dày đặc.

Ba tôi vẫn cắt nghĩa cho tôi biết cách thức chiếc trực thăng chở ông phải bẻ góc đường bay thật gắt ra sao về phía vùng biển để tránh đạn bắn sê. Rồi cứ trực chỉ về hướng bắc, chiếc trực thăng sẽ yên chí bay dọc theo bờ biển một cách an toàn. Bay đến Quảng Trị, ba tôi đã có thể thấy được hàng ngàn nhà cửa và mái tranh trống rỗng của dân chúng, vốn đã cao bay xa chạy khỏi thị xã. Mùa hè đỏ lửa năm 1972 đã tiêu hủy gần như toàn bộ, đến độ thị xã như bị bỏ hoang. Sau cuộc binh lửa ấy, một số thị dân có hồi hương để chứng kiến căn nhà họ từng ở, nay chỉ còn là những hoang tàn đổ nát không ai ở nổi, nhưng họ vẫn quyết tâm xây dựng lại.

Từ cao ngó xuống, thật khó mà phân biệt được đâu là nhà đang xây và cái nào là nhà bị bỏ hoang, vì hầu như chẳng có nhà nào trông có vẻ nguyên vẹn. Rồi chiếc trục thăng lượn hai vòng, trước khi đáp xuống trụ sở dã chiến của Bộ chỉ huy. Bộ chỉ huy là một dãy những nhà tiền chế kiểu Quonset của lính, có mái vòm với sườn bằng sắt uốn cong theo hình bán nguyệt. Những dãy nhà vòm này đã được QLVNCH vội vã dựng lại, sau khi đã bị cộng quân san thành bình địa hai năm trước đó. Nó đứng sừng sững như một biểu tượng hiên ngang bất khuất của QLVNCH.

Trung Tá tỉnh trưởng Đỗ Kỳ tiếp đón ba tôi với vòng tay hân hoan. Ông đã từng nghe biết tính gan lì của ba tôi và rất mừng khi hai ông gặp nhau. Ông tỉnh trưởng là một người thấp lùn, đầy đà và nói giọng Bắc. Như nhiều người trong quân đội, ông cũng tin dị đoan một cây và đã chọn ngày để giới thiệu ba tôi với binh sĩ, đồng thời trao cho ông chức vụ mới. Ông cho rằng nếu nhậm chức vào ngày lành tháng tốt, ba tôi sẽ được gặp hên trong cách chỉ huy hầu giúp binh sĩ ông thắng trận. Là người chẳng bao giờ tin vào những điều dị đoan nhằm nhí, ba tôi nói phải chi ông được không lực yểm trợ thay vào đó thì vẫn hên hơn! Tuy nhiên, vì đây là màn diễn tuồng của Trung Tá Đỗ Kỳ, ông đành phải xuôi xị nghe theo.

Sau buổi ăn trưa với ông tỉnh trưởng tại căn cứ, ba tôi làm một vòng đi thăm dân tình thị xã. Cổ thành Quảng Trị thay đổi quá nhiều so với lần ông đến thăm hồi mười bốn năm trước đây. Từ một thị trấn sầm uất năm xưa, Quảng Trị nay chỉ còn lại những dãy nhà tạm bợ và những cái chòi lợp mái tôn do chính phủ VNCH cấp phát. Tiêu chuẩn phân phối là cứ mỗi hộ gia đình thì được cấp cho 10 tấm tôn. Có lúc có đến hơn hai trăm ngàn người sống lầy lắt nơi đây nhờ vào những phẩm vật cứu trợ của chính phủ. Kể từ đó, dân chúng lần lượt bỏ về thành phố Huế. Bên ngoài những dãy nhà chòi này là những nhà thờ xiêu vẹo và các chòi tạm bợ dùng làm các văn phòng cơ sở xã hội, cũng làm bằng những tấm tôn cấp phát theo tiêu chuẩn. Hàng đêm, gió lạnh từ núi rừng xa xôi lùa về càng khiến những cái chòi lạnh lẽo này thêm phần tê tái. Ban ngày, nắng lại đổ hừng hực làm chúng trở thành những lò lửa khiến không ai ở

trong nhà được. Thế nhưng, chúng lại là tất cả những gì còn sót lại của người dân ở đây.

Ba tôi đi thẳng đến Nhà thờ La Vang gần trung tâm thị xã. Nơi đây đã từng là một thánh địa được nhiều người đến hành hương, và cũng là nơi xảy ra vô số phép lạ. Nhưng rồi Mùa Hè Đỏ Lửa năm 1972 đã tàn phá gần hết. Giáo dân Quảng Trị lục tục xây lại nhà thờ, để rồi nó lại bị trúng bom trong những trận giao tranh gần đây. Mái nhà thờ đã bị sập để lại bốn bức tường, mà thật ra chỉ còn một mảng tường là còn đứng trơ trọi đằng sau bàn thờ trên cung thánh. Không ai hiểu vì sao bức tượng uy nghiêm của Đức Mẹ La Vang thì vẫn khiêm tốn đứng giữa những hoang tàn mà không một chút suy suyền hoặc hư hại. Ba tôi kể rằng ông đã đến quỳ dưới chân tượng và thầm cầu nguyện cho chính bản thân ông, cho gia đình và cho cả quê hương.

Lần trước, cách đây đã mười bốn năm, ông đi hành hương ở nơi này với má tôi trong lúc bà đang mang thai. Hồi ấy, ông luôn cầu xin Chúa ban cho ông một đứa con trai để sau này đi rao giảng tin mừng và đem niềm vui đến cho mọi người. Hy vọng của ông cũng giống như bao giáo dân ngoan đạo khác, là muốn dâng một đứa con trai của mình cho Giáo hội. Ông muốn con cái ông phải có một đứa làm linh mục. Khi má tôi đến quỳ cạnh ông trước tượng Đức Mẹ, cái thai trong bụng bà bỗng quặn lên như đang nhảy mừng. Bà cầm lấy tay ba tôi đặt lên cái bụng chửa của bà. Cảm nhận được niềm vui từ cái thai đang chuyển, ba tôi gọi tên của thai nhi là “Vui”, với ngụ ý Vui Mừng và đặt tên thánh cho thai nhi là Gioan Bao-ti-xi-ta. Theo điển tích trong Kinh Thánh, thánh Gioan đã nhảy mừng trong bụng mẹ là bà thánh Y-sa-ve, khi được Đức Mẹ Maria đến viếng thăm.

Đó là thời kỳ hạnh phúc của dĩ vãng, chứ không phải của thực tại năm 1975 này trong lúc chiến cuộc đang gây bao điều tàn đổ nát. Cũng như ba tôi, nhà thờ này cũng hẳn sâu những thương tích và thống khổ. Ba tôi kể rằng ông đã thầm cầu nguyện cùng Đức Mẹ Maria, cảm tạ Mẹ đã ban cho ông có một đứa con trai mười bốn tuổi, hiện ông đang cho đi tu ở An

Phong Học Viện như ông đã hứa. Ông cầu xin Mẹ Maria hằng luôn che chở đứa con tên Vui của ông.

Ông rời nhà thờ và đi thăm lũy thành. Thành Lũy Đinh Công Tráng là một nơi thắng cảnh ngai lên bên bờ sông Thạch Hãn. Nó chẳng còn gì sót lại khác hơn là một đồng gạch vụn và những thanh sắt cong queo. Nhà cửa gần đó cũng không khá hơn chút nào; tất cả đều bị chiến cuộc tàn phá. Hai chiếc cầu nối liền Thành Lũy và xa lộ nằm gãy ngang giữa sông. Ba tôi chợt nhớ đến hai câu thơ chìm sâu trong ký ức đã từ lâu:

*“Thế hệ tôi làm như trang liệt sử,
Một giòng sông một chứng tích tương tàn.”*

Ba tôi đứng đó với vài anh BĐQ và ngó qua bên kia sông, nơi kẻ thù cũng đang ghì tay súng trùng mắt ngó lại. Cuộc chạm súng ắt sắp tái diễn.

Tết sắp về, tin đồn cho biết Việt Cộng sẽ lợi dụng thời cơ đồng bào đang ăn tết để mở một cuộc công kích lớn. Đức Giám Mục Địa phận Nha Trang Nguyễn Văn Thuận, người vừa mới viếng linh địa La Vang, đã nhắc các linh mục sở tại phải thôi thúc con chiên chạy về phía nam, đến tận thành phố Phan Rang để thoát cảnh máu đổ thịt rơi mà Ngài biết chắc chắn sẽ xảy ra. Giáo dân thì có người đã nghe lời vị chủ chiên và đã đi lánh nạn; nhưng cũng có người bỏ dở những nỗ lực tái thiết thị xã, chỉ để ngồi đó chờ thời.

Tết Ất Mão, ngày 11 tháng 2 năm 1975 ...

Năm nay là năm con Mèo, ba tôi nhớ lại một chuyện hồi ông còn làm Quận trưởng Quận Tân Châu ở tuốt dưới miền Tây. *Dương Năm*, người em rể của vị Giáo chủ Giáo Hội Phật Giáo Hòa Hảo Huỳnh Phú Sổ, một tôn giáo mới có nhiều người theo, có truyền bá sách của Huỳnh giáo chủ như sau:

*“Mèo kêu bá tánh lao xao,
Đến khi Rồng Rắn máu đào chinh ghê,
Con ngựa lại đá con dê,*

*Khấp trong thiên hạ nhiều bề lao xao,
Khi kia cũng bị xáo xào,
Canh khuya gà gáy máu đào mới ngưng.”*

Lời sấm tiên đoán bảy năm chiến tranh tương tàn, khởi sự từ đầu năm con Mèo. Dù chẳng tin gì vào những lời sấm ấy, ba tôi cũng đã chứng kiến những trận đụng độ khốc liệt ở Ban Mê Thuột, Pleiku và Kontum, và tự hỏi điều gì sắp phải xảy ra.

Vào mừng ba mươi tết, một phái đoàn gồm các nghị sĩ và dân biểu của chính phủ VNCH đến ủy lạo các tiền đồn và trao tặng những phẩm vật thông thường như tiền mặt, máy phát thanh radio, đồng hồ đeo tay và thuốc lá cho các binh sĩ. Trong một lúc tâm sự riêng, ba tôi được biết chính phủ vừa tóm được một bọn mười ba tên VC nằm vùng trá hình làm phóng viên chuyên nghiệp ở Sài gòn.

Ông cho rằng chính bọn này đã len lõi và gieo tâm lý hoang mang trong quần chúng, khiến họ tin rằng chiến tranh đã đến hồi kết thúc và người Mỹ đã thua cuộc. Nhiều người tin theo lời đồn và sợ hãi rụng rời. Những tuyên truyền chủ bại ấy đã làm người dân sống xa rời thực tế. Thân làm lính, ba tôi và binh sĩ thuộc cấp có dư sức ăn thua đủ với quân thù trên khắp các chiến trường, nhưng lại bất lực trước những đòn hỗn chiến tâm lý kiểu này ở thủ đô, do một bọn chuyên nghề lão khoét và dọa nạt tung ra.

Đêm hôm ấy, ba tôi truyền lệnh cho tất cả binh sĩ phải cảnh giác cao độ, phải thức trắng đêm và sẵn sàng ứng chiến để đụng trận ác liệt với địch. Gió đêm lạnh vi vu cộng với nỗi âu lo cho cuộc tập kích làm ông và các binh sĩ càng thêm bồi hồi nao nức. Hồi đó, đồng hồ miền Bắc đi một giờ trước giờ của miền Nam. Khi đồng hồ giờ miền Bắc giống tiếng chuông báo Giao thừa, tìm mọi người đập mạnh, hơi thở họ đứt quãng vì tưởng sẽ có tằm máu và hỗn chiến. Tất cả vừa thao thức chờ đợi trong những giao thông hào mới đào dọc theo bờ sông, vừa định ninh phen này ắt phải bỏ mạng nơi đây. Trận này ắt tiêu tòng, chắc sẽ chẳng còn ai sống sót đặng về ăn Tết năm sau với gia đình! Rồi đồng hồ giờ miền Nam cũng giống tiếng chuông

báo Giao thừa. Cũng chẳng có gì xảy ra, nhưng ba tôi và binh sĩ vẫn ở tư thế cảnh giác và sẵn sàng ứng chiến. Mãi đến khi ánh hùng đông lờ mờ ló dạng sau rặng núi, tất cả mới thở phào nhẹ nhõm.

Ba tôi đi lễ ngày Tết năm mới khi trời vừa sáng theo tập tục mà ông vẫn đeo đuổi hằng bao năm nay. Xong, ông cho binh sĩ tập hợp chào Quốc Kỳ và hát bài Quốc Ca của VNCH để chào mừng Năm Mới. Sau đó, họ cho nhau những lời chúc tụng thông thường đầu năm như năm mới nhiều may mắn, khỏe mạnh và phát tài. Tướng Ngô Quang Trưởng bất ngờ ghé thăm và cho biết ông rất hài lòng cung cách làm việc của ba tôi qua việc trang bị súng ống cho binh sĩ, cùng tinh thần đề cao cảnh giác và sẵn sàng ứng chiến của mọi người.

Đến phiên ba tôi đi thăm binh sĩ của các đại đội, các pháo đội và các tiểu đoàn. Trời vẫn lạnh. Đi đâu cũng chỉ thấy đường sá đậm một màu bùn đất sét đỏ loét. Mưa bụi lất phất bay suốt ngày. Trên sườn đồi, cây cỏ vẫn mơn mớn mọc xanh rì, hứa hẹn một rừng hoa xuân sắp tung bùng nở rộ.

Cổ làm ra vẻ tự tin, vừa chúc tết các binh sĩ, ba tôi vừa thào cầu mong cho tất cả sẽ yên hàn qua ba ngày nghỉ tết. Và, tuy may mắn vì không có gì xảy ra, nhưng có ai ngờ những giờ phút đau thương rình rập đâu đó đang sẵn sàng ụp xuống.

Non ba tuần sau Tết, ngày 1 tháng 3, quân chánh qui Bắc Việt tung ra những cuộc công kích đại qui mô, khởi đầu bằng hàng loạt đợt pháo kích bằng trọng pháo và những phát súng đại bác từ các chiến xa T-54 và PT- 76. Trong nhiều ngày, trận mưa đạn móc-chê của địch cứ rỉ rả rót không ngớt xuống đơn vị Trung Đoàn 913 Khinh Binh. Nhiều binh sĩ đã thiệt mạng hoặc bị thương, nhưng dù bị tổn thất nặng nề, họ vẫn giữ ghi súng chiến đấu. Ba tôi yêu cầu yểm trợ bằng không kích, nhưng lần này thì chẳng có một chiếc F-5 lẫn Phantom nào đến để cứu ứng.

Quân chánh qui Bắc Việt tung ra những đợt tấn công lớn suốt phòng tuyến khắp Cao nguyên Trung phần. Vì chỉ còn những

phương tiện cực kỳ hạn hẹp, chỉ những chiến trường có tính cách chiến lược và hiểm yếu mới được sự yểm trợ của Không lực VNCH. Cả hai binh chủng Không quân và Hải quân của đồng minh Hoa Kỳ đều đã được lệnh án binh bất động và không được can thiệp. Và rồi, chiến cuộc ở Cao nguyên Trung phần đã trở thành một cuộc thảm sát. Ba tôi gọi máy kêu gào trực thăng đến tải thương những binh sĩ và thường dân bị thương nằm la liệt, nhưng chẳng một ai trả lời trong máy điện đàm. Hàng ngàn binh sĩ và thường dân vô tội đã thiệt mạng, nhưng ba tôi và thuộc cấp của ông vẫn nhất quyết không lùi.

Đâu đã hết, giữa khuya ngày 6 tháng 3, cộng quân giựt sập cây cầu duy nhất nối liền Quảng Trị và Huế, cắt đứt toàn bộ tuyến đường tiếp liệu vào thị xã. Cả đời ba tôi chưa bao giờ chịu thua một cách dễ dàng, ông cùng các binh sĩ của Trung Đoàn 913 và Trung Đoàn 110 tiếp tục ngăn bước tiến của quân chánh qui Bắc Việt. Cộng quân lại liên tiếp tung từng đợt bộ đội xung phong có xe tăng T-54 và trọng pháo yểm trợ. Nhưng mỗi đợt xung phong của chúng đều bị các binh sĩ dũng cảm của ba tôi đẩy lùi về bên kia sông. Chiến trường tiếp diễn sôi động trong nhiều ngày với những tổn thất nhân mạng càng ngày càng cao nhanh chóng cho cả hai phía.

Ở miền trung, vào ngày 10 tháng 3, Sư Đoàn 320 của quân Chánh qui Bắc Việt (BV) tung ra trận tổng công kích vào Ban Mê Thuột, một cú điểm chiến lược trọng yếu, để khởi đầu cho chiến dịch xâm lược toàn bộ miền Nam VN. Quân chánh qui BV không những đã được trang bị thật hùng hậu, còn được trọng pháo yểm trợ, đã dễ dàng đè bẹp những đơn vị phòng thủ trang bị thật ẻo uột của QLVNCH tại Ban Mê Thuột. Kể từ hôm ấy, quân khu Cao nguyên Trung phần của miền Nam bị mưa pháo xối xả. Tiếng đạn đạo và tiếng súng nổ réo tung bùng khắp trời. Dù bị đạn pháo toi bời, ba tôi và thuộc cấp vẫn giữ chặt phòng tuyến.

Chẳng mấy chốc, Ban Mê Thuột thất thủ. Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu buộc phải ra lệnh cho binh sĩ và toàn thể Bộ chỉ huy Quân Đoàn phải triệt thoái. QLVNCH đã tháo chạy bằng con đường thứ ba, Liên tỉnh Lộ- 7B qua ngã Cheo Reo về Tuy Hòa,

hợp với hàng ngàn thường dân đang cầm cổ chạy loạn. Cộng quân vẫn công hãm ác liệt. Chúng đóng vị trí tác xạ trên những đồi cao và rót những trận mưa pháo xuống đầu binh sĩ lẫn thường dân đang di tản. Thiếu hỏa lực, Không lực VNCH đành bó tay trước cuộc thảm sát hàng loạt những thường dân vô tội bên dưới. Có đến hơn một trăm ngàn người di tản từ Pleiku và Kontum đã thiệt mạng hoặc mất tích trên con đường này.

Ba tôi kể rằng kho đạn ở căn cứ Đà Nẵng, Phan Rang và Biên Hòa vẫn còn dư bom đạn, nhưng người Mỹ đã tháo hết ngòi nổ của những bom đạn này. Đối với họ, chiến tranh đã chấm dứt.

Trước mũi tiến của cộng quân BV vào các thị trấn và làng mạc, dân chúng từ những vùng giao tranh cũng hối hả chạy từng đoàn về phía Nam trong hỗn loạn. Khi Kontum và Pleiku thất thủ, lại thêm hàng ngàn đàn ông, đàn bà, con nít chen chúc nhau chạy, khiến các tuyến đường đều bị tắc nghẽn. Lốp bị đâm đạp đến chết, lốp thì không chịu nổi đói lạnh trong lúc băng qua cánh rừng đầy bất trắc nên đoàn người rụng dần ở hai bên vệ đường.

Trở lại miền giới tuyến, nơi ba tôi đang đóng quân, dầu chưa bị bận tâm vì chuyện di tản, hoàn cảnh của ba tôi lúc ấy cũng không kém phần bi quan. Ông và binh sĩ thuộc cấp bị vây hãm xa hơn ở phía bắc, tức là gần khu phi quân sự, ngay trong lòng thị xã Quảng Trị hoang tàn. Bên kia sông, cộng quân không ngớt tung quân tấn công và rót đạn đại bác suốt đêm ngày. Sau khi chiếm được Kontum và Pleiku ở phòng tuyến phía nam, bộ đội chánh qui Bắc Việt chia mũi dùi công kích trở ra Đà Nẵng và Huế. Dù biết mọi nẻo đường di tản đã bị cắt đứt, ba tôi và binh sĩ vẫn quyết bám trụ cứ điem.

Ngày 14 tháng 3, Bộ Tư Lệnh Miền Trung QLVNCH truyền lệnh cho ba tôi phải lui binh toàn bộ ra khỏi Quảng Trị và chuyển quân vào Đà Nẵng. Trung Đoàn 913 Khinh Binh của ba tôi sẽ là đơn vị rút lui cuối cùng. Biết bao binh sĩ của ông đã anh dũng chiến đấu và gục ngã nơi đây để giữ từng tấc đất, nhưng bây giờ thì ông đành phải lui quân để bảo toàn những gì

còn lại cho lực lượng. Cộng quân vẫn tiếp tục rót đạn móc-chê như mưa bắc và ngày càng tiến gần hơn đến cứ điểm của ông.

Ngày 18 tháng 3, Bộ Tư lệnh Quân Đoàn I thuộc QLVNCH triệt thoái khỏi Huế và chuyển vào Đà Nẵng, nhưng cộng quân Bắc Việt còn hành quân thần tốc hơn. Chúng vừa rót đạn trọng pháo vào làm nổ tung các làng mạc và thị trấn, vừa cho quân đi kèm xe tăng tiến về mạn bắc của sông Mỹ Chánh. Chúng thi nhau đốt phá nhà cửa và giết chóc thường dân một cách bừa bãi.

Tối hôm ấy vào lúc 7 giờ, khi người lính cuối cùng vượt qua khỏi cầu Trường Phước, ba tôi ra lệnh giật sập cầu hầu làm chậm bước tiến của cộng quân. Đứng bên mạn nam của giòng sông, ông ngoái cổ nhìn về nhà thờ La Vang. Ông đọc một lời nguyện và chào chia tay Đức Mẹ Maria, thầm cảm tạ ơn Người đã thương che chở ông được bình yên.

Có đến hàng ngàn binh sĩ của quân đội miền Nam đã thiệt mạng trong cuộc triệt thoái. Thế nhưng, các tướng lãnh vẫn muốn ba tôi tiếp tục chiến dịch duy trì áp lực với cộng quân và làm chậm mũi dùi công kích của chúng. Họ tăng cường lực lượng cho ông bằng binh lính của hai Tiểu Đoàn 120 và 121, cộng với đơn vị đại pháo. Mục đích của chiến dịch này là cho cư dân miền trung có đủ thời giờ di tản. Mặt khác là bắt địch phải trả giá bằng chính xương máu của chúng cho từng tấc đất mà chúng đang đánh cướp.

Ông rải quân trên một phòng tuyến trải dài 15 cây số dọc theo bờ sông Mỹ Chánh và rót lên đầu địch quân ở bờ sông bên kia với những cơn mưa pháo. Suốt bốn ngày dài đặng đặng, cuộc giao tranh vẫn tiếp diễn với những thiệt hại nặng nề cho cả hai phe tham chiến. Hơn hai ngàn binh sĩ thuộc cấp của ba tôi đã thiệt mạng. Địch quân có lẽ còn bị tổn thất nặng hơn. Xác chết của các binh sĩ chất la liệt dọc theo các giao thông hào. Tiếng kêu gào của những thương binh nghe như rền vang khắp chiến trường. Thuốc men thì lại khan hiếm. Vì đạn dược đang cạn dần, tất cả binh sĩ phải cố bám vị trí bằng súng M-16 và

AR-15 thu được từ xác chết của những đồng đội đã hy sinh của họ.

Phe ba tôi ở phía bên này sông, lương thực đã sạch và cũng chẳng còn ai tiếp tế. Những cơn mưa tầm tã bắt đầu làm ngập các giao thông hào, trông như những con sông nhỏ. Binh lính ông vừa đói, vừa lạnh, vừa ướt như chuột lột. Họ không được nghỉ ngơi đã nhiều ngày và tuột dốc tinh thần. Nhưng họ vẫn giữ được phòng tuyến trước kẻ thù.

Tướng Lâm Quang Thi, một người sanh trưởng ở miền Nam từng thụ huấn cùng với ba tôi ở Trường Võ Bị Quốc Gia, đến thị sát tiền tuyến và hết lời khen ngợi lòng can đảm của những binh sĩ thuộc cấp. Ông còn đưa tin cho ba tôi biết là phần lớn dân chúng ở Huế đã chạy vào Đà Nẵng và giờ thì đến phiên ba tôi rút quân. Ba tôi vội gọi ngay người bạn thân tín của ông là Đại Úy Đỗ Thiên Phan về Huế. Ông muốn Đại Úy Phan đánh một bức điện tín về nhà để báo cho má tôi biết là ông đã rút khỏi chiến trường Quảng Trị, và hãy cầu nguyện cho ông cùng các binh sĩ dưới quyền.

Đêm Chủ Nhật ngày 23 tháng 3, ba tôi truyền cho binh sĩ rút khỏi huyện Mỹ Chánh và lui về An Lỗ, một huyện cách đó độ 30 cây số. Hàng ngàn binh sĩ vốn đã kiệt quệ nay lại phải âm thầm rút quân dưới màn đêm dày đặc. Vừa đeo ba-lô súng ướt nặng chịch của mình, họ vừa dắt díu các đồng đội đang bị thương. Không còn những đoàn công xa rầm rộ, trực thăng ngợp trời và xe tăng hùng hổ xông đến để tiếp cứu họ. Chỉ có ý chí sống còn sắt đá là phương tiện duy nhất giúp họ thoát hiểm. Những trận mưa đầu mùa phủ phàng càng cho làm nổi thống khổ của họ thêm phần ray rức. Dầu vậy, ba tôi đã rút quân êm thấm và binh sĩ ông đã không phải đổ máu hay hoặc bị thiệt mạng thêm một người nào.

Chưa hết, cộng quân vẫn bám gót rượt theo. Tại An Lỗ, ba tôi và binh sĩ chưa kịp nghỉ lấy sức đã phải chạy tiếp. Trong ba tuần lễ liền, cộng quân đã bị Trung Đoàn 913 Khinh binh và Trung Đoàn 110 BĐQ của QLVNCH cầm chân tại chỗ. Chúng đang nổi khùng vì những cơn kỳ đà cản mũi đã làm chúng

khụng lại từ mấy tuần nay, sức mấy mà chúng buông tha cho đoàn quân thất trận? Như một bầy sư tử xông chuồng, cộng quân xông vào quất những đòn thù thật phũ phàng lên những người lính đang tháo chạy. An Lỗ thất thủ lúc 6 giờ 30 chiều ngày 24 tháng 3.

Trước sức tiến quân như vũ bão của giặc, pháo đạn tầm xa của ta trở nên bất khiển dụng. Lý do đơn giản chỉ vì giặc đã đến quá gần. Ba tôi đành truyền lệnh phá hủy tất cả các khẩu đại bác và trọng pháo, phòng ngừa địch có thể dùng lại những thứ ấy bắn vào đoàn quân đang triệt thoái của ông.

Rồi ông ra lệnh chuyển hết các xe tăng còn khiển dụng về Cố Đô Huế càng nhanh càng tốt. Cộng quân giờ chỉ gặp những tiếng súng chống trả lẻ tẻ hoặc yếu ớt, chúng thừa thắng xông lên chiếm đóng Cố đô Huế. Chúng mặc sức đốt phá nhà cửa và bắn giết thường dân, giết sạch các binh sĩ miền nam bị chúng bắt được một cách không thương tiếc.

Lúc 9 giờ tối cùng ngày, Cố đô Huế bỏ ngõ. Còn dân chúng cũng như binh lính, hầu như ai cũng ăn mặc như thường dân, chen nhau chạy về Cửa Thuận An. Trước đó, đoạn đường Quốc lộ 1 từ Huế vào Đà Nẵng đã bị cộng quân chiếm đóng và kiểm soát. Muốn vào Đà Nẵng, dân tị nạn từ Huế và các tỉnh thành vùng giới tuyến còn biết chạy ngã nào, ngoại trừ đường biển? Cửa Thuận An là hy vọng cuối cùng của họ.

Cửa Thuận An nằm phía đông Cố Đô Huế. Đường về Thuận An giờ đây đã thành một cái còi chai bị tắt nghẽn vì đoàn người tuyệt vọng đang bỏ chạy trước sức tiến của quân thù. Xe hơi, xe vận tải, xe gắn máy đủ loại bị hết xăng phải bị vớt lại la liệt ở hai bên vệ đường. Cảnh đó là hàng núi đồ gia dụng của dân tị nạn mang theo, nhưng vì kiệt sức không mang nổi chúng nữa, nên đành phải vớt lại tất cả. Nhiều xe bị bốc cháy, tiếng súng, tiếng nổ của lựu đạn nghe rền vang từ mọi phía. Những quân nhân có trang bị vũ khí, có người mặc quân phục, có người không, cứ gạt phăng đám đông mà tiến tới. Một binh sĩ trẻ báo cáo cho ba tôi biết là anh thấy Trung Tá Kỳ và Trung

Tá Nhiễm bơi qua cửa vịnh để đến chiếc phà đang neo phía bên kia bờ vào lúc sẩm tối.

Thế là hết! Cơ cấu chỉ huy của Quân Đoàn I QLVNCH đã tan rã toàn bộ. Chỉ còn duy nhất một lối thoát là phải bơi ngang qua vịnh để đến bên kia cửa và tìm cách lủi trốn về Đà Nẵng. Với tư cách của một vị Tư Lệnh, ba tôi đã ban một nhật lệnh cuối cùng qua máy điện đàm trên chiếc xe Jeep của ông. Ông kêu các sĩ quan chỉ huy của ba tiểu đoàn dưới quyền và chỉ cho họ cách thoát thân. Đó là những nhật lệnh ngắn ngủn, khó nói, lại khô khốc, nhưng may ra sẽ cứu được người nào hay người nấy! Rồi ông hủy hoại toàn bộ máy điện đàm trước khi ù té chạy ra bờ biển. Ông đinh ninh rằng cho dù ông phải chết đêm hôm nay, lương tâm ông chẳng có gì để cắn rứt vì ông đã làm những gì có thể được trong khả năng hạn hẹp của mình để cứu được càng nhiều người càng tốt. Ông xin Chúa tha tội cho ông và xin Người dẫn đưa ông đến nơi an toàn. Ông nghĩ đến vợ con và cầu xin được bình an để về sum họp với gia đình.



Đường về Thuận An

Ba tôi kể rằng, lúc ấy vào khoảng 2 giờ sáng ngày 25 tháng 3, ông lột hết quần trang trên người và chỉ còn mặc một chiếc quần sa-lông, rồi bơi miết giữa lòng nước biển lạnh lẽo. Ông dùng ruột bánh xe làm phao để giữ cho thân thể được nổi trên mặt nước. Ông và thuộc cấp bơi ròng rã nhiều giờ liền trong nước biển lạnh cóng để sang bên kia Cửa Thuận An phía đông. Cửa càng mở rộng thì nước rút dưới chân họ càng mạnh và nước biển càng lạnh hơn. Họ bám lấy cái sóng bằng cách trò chuyện với nhau và luôn bảo nhau phải vừa bơi vừa dưỡng sức. Họ âm thầm bơi trong đêm tối và không biết đã bơi cách sao đó thì đến phía bên kia cửa.

Sau khi tấp vào bãi, một số người chạy tuốt vào các làng ven biển với ý định chạy tiếp bằng đường bộ, nhưng ba tôi và mười người nữa cứ cắm đầu chạy dọc theo bờ biển và nhắm phía Đà Nẵng. Trời tờ mờ sáng, họ chạy đến một làng đánh cá nhỏ và tìm thấy một ghe máy dùng đánh cá trông vẫn còn tốt và còn đầy xăng trong bình. Đang hề nhau đẩy chiếc ghe máy ra biển thì chủ ghe, một lão ngư phủ bỗng từ trong làng xông ra đuổi theo. Mọi người lôi ông luôn vào ghe và bắt ông cùng đi với họ. Và may mà họ đã làm điều đó.

Sóng biển cao cuộn cuộn và đập mạnh vào mạn thuyền, nhưng ngư ông đã tài tình lèo lái chiếc ghe một cách điệu nghệ trong khi ghe phải chở đầy ắp người. Chiếc ghe nhỏ xinh xịch nổ máy tiến ra biển, rồi từ từ lướt sóng tiến về Đà Nẵng trong tiếng thở phào của mọi người. Mặt trời ló dạng, hiện ngang ngời sáng trên những lượn sóng xanh biêng biếc. Gió từ hướng bắc thổi về làm cho lòng người càng thêm phơi phới. Ba tôi và thuộc cấp của ông được sống thêm một ngày nữa cơ mà!

Sau tám giờ đồng hồ bập bênh trên sóng biển, họ cập bến Đà Nẵng vào lúc xế chiều. Đà Nẵng là một trong những hải cảng quan trọng nhất nước. Hải cảng này cũng còn là một trong những thành phố lớn nhất miền nam Việt Nam với một bên giáp những rặng núi chập chùng và bên kia ngó ra Biển Đông. Người Mỹ đã thiết lập ở đây một căn cứ không quân và

một quân cảng gần Bãi Non Nước để cung ứng những phối hợp hỗ trợ hành quân cho toàn miền trung Việt Nam. Bãi Non Nước, một bờ biển cát trắng ở vùng ngoại thành Đà Nẵng, nổi tiếng không những vì có thắng cảnh tuyệt đẹp, mà còn là một địa danh lịch sử. Nó chính là điểm hẹn để nghỉ phép và giải trí của hầu hết các quân nhân Mỹ trong suốt cuộc chiến.

Khi ba tôi và thuộc cấp cập bến, Bãi Non Nước đã tràn ngập tàu bè. Toàn bãi tập nập những ghe đánh cá nhỏ cũng như nhiều tàu chở hàng to lớn nườm nượp kéo vào từ những thị trấn giáp vùng giới tuyến. Căn cứ không quân bị bỏ trống của Mỹ nay đã trở thành một trại tị nạn mệnh mông chứa những người chạy giặc từ Huế và Quảng Trị vào đây. Tại căn cứ hải quân, dân chúng chen chúc nhiều đến nỗi các tàu chiến của hải quân VN không thể neo bến để bốc hàng hoặc dỡ hàng. Tàu nào cũng sợ cái cảnh đoàn người tị nạn ùa nhau xông tới, xô lẫn nhau trèo lên và chèn ép ngay cả các thủy thủ ở trên tàu. Dân số Đà Nẵng bỗng chốc phình lên đến hơn một triệu người với đa phần là những đồng bào tị nạn.

Chẳng có ai trong đám binh sĩ thuộc cấp của ba tôi ra trình diện ở Bộ Tư Lệnh Miền Trung; thay vì vậy, họ làm lủi đi lòng sục gia đình họ đang chen chúc đâu đó trong biển người chạy loạn. Ba tôi đơn thân rẽ đám đông và đi một mạch đến Câu lạc bộ Sĩ quan Đà Nẵng. Một sĩ quan vừa gầy lại vừa cao bạn của ba tôi là Trung Tá Đặng Đình Kiên, đã tốt bụng cho ông mượn đỡ hai bộ quân phục. Đồ mặc thật vừa vặn! Trong bộ quân phục chỉnh tề, ông đến trình diện ngay tại văn phòng Bộ Tư Lệnh. Hai ông Trung Tá Kỳ và Nhiễm cũng vừa trở tới.

Hầu hết Bộ Tư Lệnh Miền Trung đã di tản theo lệnh của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu. Văn phòng của Bộ giờ chỉ còn lèo tèo vài nhân viên dân sự và một ít sĩ quan cao cấp làm việc. Họ đang lo sốt vó để đốt cho bằng sạch những tài liệu tình báo tối mật và phá hủy hết những thiết bị quân báo.

Chỉ mới hai tháng trước, Tướng Ngô Quang Trưởng đã trao cho ba tôi chức vụ mới tại nơi đây, và ông đã lên đường ra tiền

tuyên bằng trực thăng. Lần này, ba tôi trở lại cũng nơi này, nhưng bằng ghe đánh cá cướp được và với thân thể trần trụi, chỉ để trình diện với một Bộ Tư Lệnh đã mất đi hơn một nửa túc số. Dầu vậy, ông vẫn thấy sung sướng vì mình vẫn còn sống.

Sau một vài thủ tục giấy tờ quen thuộc, ông vội vàng chia tay các bạn lính và đi gấp ra bưu điện. Phải xếp hàng đợi hàng mấy giờ đồng hồ liền mới đến phiên mình, ông đánh vội một bức điện tín cho má tôi để báo cho bà biết là ông đã vào đến Đà Nẵng. Thâm tâm ông vẫn hy vọng má tôi sẽ nhận được bức điện này ở Sài Gòn. Xong xuôi, ông lần đường đi đến một nhà thờ gần đó.

Ba tôi kể rằng, bốn ngày kế tiếp ngay sau đó là cả một sự hỗn loạn khắp thành phố. Dân tị nạn khôn khổ khắp miền Trung đổ về tràn ngập tứ phía. Từ phía bắc và phía tây, gọng kềm bao vây của cộng quân đang siết dần. Toàn bộ những tuyến đường thông thương vào Nam đã bị cắt sau khi giặc chiếm được quyền kiểm soát Pleiku, Kontum và Ban Mê Thuột. Chỉ còn một lối thoát duy nhất là ra biển, nhưng tất cả các ghe thuyền lớn nhỏ đủ loại đều đã rời bến. Xa xa, các chiến thuyền của Hải Quân VNCH đang neo đợi ngoài biển, nhưng không chiếc nào dám vào cập bến. Dân chúng phải dùng những ghe đánh cá nhỏ nếu muốn ra vào những chiến thuyền ấy. Họ đâu có sợ phải liều mạng với sóng to gió lớn từ Biển Đông đang chờ đón họ!

Khi một vài chiếc giang đĩnh hạm dám rà máy cập vào gần bến, lập tức có cả một đám đông dân chúng rượt theo và quăng phao xuống nước để bơi theo tàu. Hàng trăm người, nhất là những người khỏe nhất với phần lớn là lính, đã vật lộn với sóng nước trên những chiếc ghe chèo bằng mái dầm hoặc bằng chính tay của họ, chỉ để dành một chỗ trên tàu chiến. Ngay cả khi họ trèo được vào tàu, một chỗ để ngồi trên tàu cũng không còn vì đã có cả hàng ngàn người trèo lên tàu trước họ.

Trên bến cảng, vẫn còn hàng ngàn người mong ngóng trong nhiều ngày đêm, hy vọng ai đó có lòng tốt cho họ quá giang để tiếp tục chạy giặc. Ở ngoại thành, quân Cộng sản Bắc Việt và xe tăng chúng đã tiến đến gần kề. Lần này, chúng chẳng cần phải bắn đạn đại bác. Bao nhiêu lính tráng thuộc QLVNCH đều đã trà trộn vào dân chúng. Những chống đỡ còn lại chỉ là vô số xe cộ, công xa bất động đang nằm ngổn ngang, làm tắt nghẽn các nẻo đường tiến quân của giặc.

Vào lúc 5 giờ sáng thứ bảy ngày 29 tháng 3, Tướng Ngô Quang Trưởng, hai vị Trung Tá Kỳ, Nhiễm và ba tôi âm thầm boi qua bờ bên kia của căn cứ hải quân. Một chiếc tàu đổ bộ mang số bên sườn là LSM-404 Hương Giang lặng lẽ tấp vào bãi và há rộng miệng, vốn là bưng thếp ở đàng đuôi dùng để đổ quân, xuống bãi cát. Bốn vị sĩ quan và một nhóm vài người rảo bước lên tàu trong đêm tối. Xong, con tàu vội lùi nhanh ra biển.

Khoảng 10 giờ sáng cùng ngày, cộng quân Bắc Việt đã hoàn toàn chiếm đóng Đà Nẵng. Cờ đỏ sao vàng của chúng được giương lên phát phới ở cột cờ kỳ đài, nằm ngay chính giữa khuôn viên của Bộ Tư Lệnh QLVNCH ngày nào.

Từ quãng xa xăm ngoài khơi, đoàn tàu di tản của quân miền Nam đang từ từ rẽ sóng xuôi Nam.

Trên bãi biển im lìm, sóng lượn từng ngọn cao vỗ vào những triền cát thủy tinh trắng, rồi mưa lũ kéo về làm xóa sạch hàng triệu dấu chân còn in lại của những con người tuyệt vọng.

Ba tôi ngồi cầu nguyện thầm thì, mắt hướng về phía bờ, tay lặng lẽ gạt lệ. Xin Chúa ra tay che chở những người dân miền Trung.